

Số: 144/2020/QĐST-HNGĐ

Lục Yên, ngày 20 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: anh **Nguyễn Văn U'**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Ú, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở: Thôn 04, xã Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Ú, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở: Thôn 04, xã Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào Điều 357; 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 57; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Văn U' và chị Nguyễn Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn U' và chị Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị V trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/3/2014. Anh Nguyễn Văn U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền: 1.000.000^d/tháng (một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12/2020 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi quyết định cả hai lúc ph, p luật, chị V cả B-n y^u c^u thi h^unh , n m^u anh U ch^um tr^u khoản tiền cấp dưỡng trên th^x ph^ui tr^u l-i B^ui vⁱ s^e ti^on ch^um tr^u t^ung đ^ong vⁱ th^ei gian ch^um tr^u; L^ai suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: anh Nguyễn Văn U nhận chịu số tiền 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu số tiền 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0008325 ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh U đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, tập QĐ.

THẨM PHÁN

Trần Đăng Ninh

